



Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký kinh doanh số

3600261626

ngày 22 tháng 5 năm 2013

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 22 tháng 5 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Phạm Quang Vũ	Chủ tịch	(từ ngày 10 tháng 4 năm 2013)
Trương Công Thắng	Phó Chủ tịch	(từ ngày 10 tháng 4 năm 2013)
Nguyễn Văn Hà	Thành viên	(từ ngày 10 tháng 4 năm 2013)
Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	(từ ngày 11 tháng 5 năm 2013)
Phạm Đình Toại	Thành viên	(từ ngày 11 tháng 5 năm 2013)
Phạm Hồng Sơn	Thành viên	(từ ngày 11 tháng 5 năm 2013)
Lê Quang Chính	Thành viên	
Tô Hải	Thành viên	
Lê Hùng Dũng	Thành viên	
Nguyễn Công Trung	Thành viên	
Đình Quang Hoàn	Thành viên	

Ban Giám đốc

Nguyễn Tân Kỳ	Tổng Giám đốc	(từ ngày 13 tháng 5 năm 2013)
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Lê Quang Chính	Phó Tổng Giám đốc	
Lê Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Trương Thị Hiếu	Kế toán trưởng	(từ ngày 1 tháng 6 năm 2013)

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Biên Hòa 1
Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính tổng hợp này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán: 13-01-285



Lâm Thị Ngọc Hào
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.001.240.001.111	606.591.514.523
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	751.034.054.745	275.247.810.871
Tiền	111		18.034.054.745	36.247.810.871
Các khoản tương đương tiền	112		733.000.000.000	239.000.000.000
Các khoản phải thu	130		83.833.061.265	93.356.340.665
Phải thu khách hàng	131		41.003.914.375	45.473.617.260
Trả trước cho người bán	132		41.921.628.035	46.233.637.411
Phải thu khác	135		2.086.777.601	1.705.716.110
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.179.258.746)	(56.630.116)
Hàng tồn kho	140	6	165.525.035.438	235.125.058.511
Hàng tồn kho	141		175.273.288.440	237.524.985.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.748.253.002)	(2.399.926.611)
Tài sản ngắn hạn khác	150		847.849.663	2.862.304.476
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		526.526.501	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.346.538	2.054.465.851
Tài sản ngắn hạn khác	158		311.976.624	807.838.625
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		612.111.976.791	526.596.112.341
Tài sản cố định	220		600.257.448.654	521.226.687.073
Tài sản cố định hữu hình	221	7	131.934.485.305	145.292.224.060
Nguyên giá	222		303.536.982.631	294.992.911.341
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.602.497.326)	(149.700.687.281)
Tài sản cố định vô hình	227	8	17.267.364.899	16.917.097.709
Nguyên giá	228		18.323.959.390	17.319.885.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.056.594.491)	(402.788.041)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	451.055.598.450	359.017.365.304
Tài sản dài hạn khác	260		11.854.528.137	5.369.425.268
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.858.370.285	5.369.425.268
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	4.762.157.852	-
Tài sản dài hạn khác	268		234.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.613.351.977.902	1.133.187.626.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		479.641.144.775	181.732.436.025
Nợ ngắn hạn	310		479.212.635.625	181.732.436.025
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	231.380.072.002	-
Phải trả người bán	312	13	96.981.542.350	85.067.348.919
Người mua trả tiền trước	313		4.026.255.204	4.666.340.859
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	44.650.393.961	22.815.785.614
Phải trả người lao động	315		16.817.248.508	11.664.445.994
Chi phí phải trả	316	15	66.911.272.529	44.589.151.600
Phải trả khác	319		2.701.523.644	2.160.525.595
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	16	15.744.327.427	10.768.837.444
Nợ dài hạn	330		428.509.150	-
Phải trả dài hạn khác	333		428.509.150	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.133.710.833.127	951.455.190.839
Vốn chủ sở hữu	410	17	1.133.710.833.127	951.455.190.839
Vốn cổ phần	411	18	265.791.350.000	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư phát triển	417	19	173.925.282.879	173.925.282.879
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	39.585.566.068	39.585.566.068
Lợi nhuận chưa phân phối	420		624.434.392.212	442.178.749.924
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.613.351.977.902	1.133.187.626.864

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ		
- USD	395.982	108.617
- EUR	3.117	4.947

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

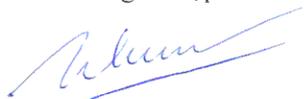
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	20	2.341.377.673.390	2.141.776.188.691
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	42.708.554.256	27.117.318.962
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	20	2.298.669.119.134	2.114.658.869.729
Giá vốn hàng bán	11		1.613.677.337.188	1.530.525.587.622
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		684.991.781.946	584.133.282.107
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	16.994.408.484	17.377.974.589
Chi phí tài chính	22	22	5.393.790.048	2.402.076.249
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.210.620.308	508.800.000
Chi phí bán hàng	24		390.265.260.859	254.799.624.784
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.186.626.908	41.611.558.271
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		270.140.512.615	302.697.997.392
Thu nhập khác	31	23	21.658.402.444	23.789.399.663
Chi phí khác	32		4.483.726.523	318.128.588
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		17.174.675.921	23.471.271.075
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		287.315.188.536	326.169.268.467
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	31.688.078.755	27.927.220.906
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(4.762.157.852)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		260.389.267.633	298.242.047.561
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	9.797	11.221

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		287.315.188.536	326.169.268.467
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		27.313.764.789	11.867.826.836
Các khoản dự phòng	03		18.584.678.552	(2.962.430.984)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		429.264.212	-
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(15.510.694.892)	(16.936.941.307)
Chi phí lãi vay	06		3.210.620.308	508.800.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		321.342.821.505	318.646.523.012
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		12.753.695.360	110.973.609.915
Biến động hàng tồn kho	10		52.137.973.151	17.203.475.861
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		50.130.655.210	82.405.882.078
Biến động chi phí trả trước	12		3.032.964.507	4.720.185.183
			439.398.109.733	533.949.676.049
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.940.676.890)	(508.800.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.514.577.651)	(25.250.558.702)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(19.999.865.362)	(12.024.337.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		395.942.989.830	496.165.979.952
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(111.518.914.776)	(483.566.028.626)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		38.589.906	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	24		(1.391.900.000.000)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		1.391.900.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		13.598.599.033	17.584.486.097
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(97.881.725.837)	(465.981.542.529)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		279.829.609.779	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48.449.537.777)	-
Tiền trả cổ tức	36	26	(53.158.270.000)	(53.158.270.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		178.221.802.002	(53.158.270.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		476.283.065.995	(22.973.832.577)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		275.247.810.871	298.221.643.448
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(496.822.121)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	751.034.054.745	275.247.810.871

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê và ngũ cốc ăn liền cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Công ty có Trụ sở chính tại Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai và một chi nhánh trực thuộc tại Hà Nội. Các báo cáo tài chính tổng hợp này bao gồm các báo cáo tài chính của Trụ sở chính và Chi nhánh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 746 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 716 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính tổng hợp, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ thiết bị văn phòng	6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 4 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy phép Đầu tư và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Quán cà phê

Quán cà phê gồm các chi phí cải tạo và trang bị cho quán cà phê và được phân bổ trong vòng 5 năm.

(ii) Thiết bị và phương tiện vận chuyển

Thiết bị và phương tiện vận chuyển bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính cung cấp hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của thiết bị và phương tiện vận chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ mức độ đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Công ty không có các khoản thuế thu nhập nào được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong suốt năm trong năm.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng trong năm.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ của Công ty, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San, công ty mẹ trên cùng, cùng các công ty con và công ty liên kết.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09- DN

4. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Cà phê và các sản phẩm liên quan được làm từ cà phê
- Ngũ cốc
- Khác

	Cà phê		Ngũ cốc		Khác		Tổng	
	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND
Doanh thu trong nước	1.671.534.145.806	1.480.826.756.326	326.159.534.814	470.073.983.208	125.359.788.174	5.793.449.567	2.123.053.468.794	1.956.694.189.101
Doanh thu xuất khẩu	171.296.239.612	153.650.959.682	2.964.865.375	3.760.807.478	1.354.545.353	552.913.468	175.615.650.340	157.964.680.628
Tổng doanh thu của bộ phận	1.842.830.385.418	1.634.477.716.008	329.124.400.189	473.834.790.686	126.714.333.527	6.346.363.035	2.298.669.119.134	2.114.658.869.729
Giá vốn hàng bán	(1.403.693.130.020)	(1.223.680.863.445)	(202.100.037.171)	(302.240.924.406)	(7.884.169.997)	(4.603.799.771)	(1.613.677.337.188)	(1.530.525.587.622)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	439.137.255.398	410.796.852.563	127.024.363.018	171.593.866.280	118.830.163.530	1.742.563.264	684.991.781.946	584.133.282.107
Chi phí không phân bổ (thuần)							(414.851.269.331)	(281.435.284.715)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							270.140.512.615	302.697.997.392
Thu nhập khác							21.658.402.444	23.789.399.663
Chi phí khác							(4.483.726.523)	(318.128.588)
Thuế thu nhập							(26.925.920.903)	(27.927.220.906)
Lợi nhuận thuần sau thuế							260.389.267.633	298.242.047.561

Tài sản và nợ phải trả không thể phân tách thành các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	11.903.056	431.408.199
Tiền gửi ngân hàng	18.022.151.689	35.816.402.672
Các khoản tương đương tiền	733.000.000.000	239.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	751.034.054.745	275.247.810.871

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên vật liệu	143.380.342.897	175.638.787.174
Công cụ và dụng cụ	169.454.346	263.148.362
Sản phẩm dở dang	26.259.695.287	37.625.544.422
Thành phẩm	4.643.260.414	23.975.474.913
Hàng hóa tồn kho	820.535.496	22.030.251
	<hr/>	<hr/>
	175.273.288.440	237.524.985.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.748.253.002)	(2.399.926.611)
	<hr/>	<hr/>
	165.525.035.438	235.125.058.511

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.399.926.611	-
Tăng dự phòng trong năm	17.462.049.922	2.399.926.611
Sử dụng dự phòng trong năm	(10.113.723.531)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.748.253.002	2.399.926.611

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 165.5 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	40.911.058.429	241.766.361.844	5.014.763.249	7.300.727.819	294.992.911.341
Tăng trong năm	1.576.066.719	11.036.102.682	180.200.000	575.000.000	13.367.369.401
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.358.310.799	243.013.404	-	2.601.324.203
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(149.047.568)	(1.634.169.627)	(4.186.978.284)	(341.167.455)	(6.311.362.934)
Thanh lý	-	(1.113.259.380)	-	-	(1.113.259.380)
Số dư cuối năm	42.338.077.580	252.413.346.318	1.250.998.369	7.534.560.364	303.536.982.631
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.143.405.364	128.868.409.436	2.531.785.496	4.157.086.985	149.700.687.281
Khấu hao trong năm	3.508.185.070	21.826.835.991	643.182.989	681.754.289	26.659.958.339
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(149.047.568)	(1.209.177.287)	(2.291.427.042)	(121.189.398)	(3.770.841.295)
Thanh lý	-	(987.306.999)	-	-	(987.306.999)
Số dư cuối năm	17.502.542.866	148.498.761.141	883.541.443	4.717.651.876	171.602.497.326
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	26.767.653.065	112.897.952.408	2.482.977.753	3.143.640.834	145.292.224.060
Số dư cuối năm	24.835.534.714	103.914.585.177	367.456.926	2.816.908.488	131.934.485.305

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 120.089 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (31 tháng 12 năm 2012: 120.544 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn đề ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45/2013/TT-BTC, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh số 10).

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.319.885.750	-	17.319.885.750
Tăng trong năm	-	1.004.073.640	1.004.073.640
Số dư cuối năm	17.319.885.750	1.004.073.640	18.323.959.390
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	402.788.041	-	402.788.041
Khấu hao trong năm	402.788.040	251.018.410	653.806.450
Số dư cuối năm	805.576.081	251.018.410	1.056.594.491
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16.917.097.709	-	16.917.097.709
Số dư cuối năm	16.514.309.669	753.055.230	17.267.364.899

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	359.017.365.304	4.752.070.645
Tăng trong năm	97.147.471.735	413.943.061.815
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.601.324.203)	(59.677.767.156)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(2.507.914.386)	-
Số dư cuối năm	451.055.598.450	359.017.365.304

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Quán cà phê VND	Thiết bị và phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	5.369.425.268	-	5.369.425.268
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (*)	-	2.540.521.639	2.540.521.639
Tăng trong năm	1.281.362.453	-	1.281.362.453
Phân bổ trong năm	(1.396.957.419)	(935.981.656)	(2.332.939.075)
Số dư cuối năm	5.253.830.302	1.604.539.983	6.858.370.285

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45/2013/TT-BTC. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình trong kỳ (Thuyết minh số 7). Giá trị còn lại của các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu VND được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí phải trả	4.762.157.852	-

12. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	6%	99.998.230.937	-
Khoản vay ngân hàng 2	VND	6%	131.381.841.065	-
			231.380.072.002	-

Khoản vay ngân hàng 1 không được đảm bảo và khoản vay ngân hàng 2 được đảm bảo bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 165,5 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không).

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả cho Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Ma San	-	234.039.035

Các khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	19.931.861.814	2.031.221.607
Thuế nhập khẩu	3.331.819.473	10.761.761.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.196.303.901	10.022.802.797
Thuế thu nhập cá nhân	190.408.773	-
	44.650.393.961	22.815.785.614

15. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phí quảng cáo và khuyến mãi	31.300.138.224	29.120.808.726
Giảm giá hàng bán	14.017.037.720	2.201.727.277
Chi phí nghiên cứu thị trường	5.120.446.588	218.408.000
Chi phí bán hàng cho một công ty liên quan	8.855.719.783	8.363.951.000
Chi phí giao nhận	4.457.670.397	3.906.797.610
Chi phí lãi vay	269.943.418	-
Chi phí khác	2.890.316.399	777.458.987
	66.911.272.529	44.589.151.600

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.768.837.444	3.982.082.093
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	21.566.755.345	15.271.615.351
Sử dụng trong năm	(16.591.265.362)	(8.484.860.000)
Số dư cuối năm	15.744.327.427	10.768.837.444

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 11 tháng 5 năm 2013 đã quyết định trích quỹ khen thưởng và phúc lợi 21.566.755.345 VND (2012: 15.271.615.351 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	265.791.350.000	29.974.241.968	137.456.077.032	30.814.459.873	261.146.377.151	725.182.506.024
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	298.242.047.561	298.242.047.561
Cổ tức giữa kỳ (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(21.263.308.000)	(21.263.308.000)
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(31.894.962.000)	(31.894.962.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.539.477.395)	(3.539.477.395)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh số 16)	-	-	-	-	(15.271.615.351)	(15.271.615.351)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	36.469.205.847	8.771.106.195	(45.240.312.042)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	265.791.350.000	29.974.241.968	173.925.282.879	39.585.566.068	442.178.749.924	951.455.190.839
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	260.389.267.633	260.389.267.633
Cổ tức giữa kỳ (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(21.263.308.000)	(21.263.308.000)
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh số 26)	-	-	-	-	(31.894.962.000)	(31.894.962.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.408.600.000)	(3.408.600.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh số 16)	-	-	-	-	(21.566.755.345)	(21.566.755.345)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	265.791.350.000	29.974.241.968	173.925.282.879	39.585.566.068	624.434.392.212	1.133.710.833.127
--	-----------------	----------------	-----------------	----------------	-----------------	-------------------

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là: .

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động trong năm của vốn cổ phần.

19. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013	2012
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng thành phẩm	2.341.377.673.390	2.141.776.188.691
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(25.277.061.574)	(19.480.524.683)
▪ Hàng bán bị trả lại	(17.420.992.537)	(7.636.794.279)
▪ Giảm giá hàng bán	(10.500.145)	-
	(42.708.554.256)	(27.117.318.962)
Doanh thu thuần	2.298.669.119.134	2.114.658.869.729

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.598.057.367	16.941.494.589
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.328.433.513	436.480.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	67.917.604	-
	16.994.408.484	17.377.974.589

22. Chi phí tài chính

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.210.620.308	508.800.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.428.821.692	1.893.276.249
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	497.181.816	-
Chi phí tài chính khác	257.166.232	-
	5.393.790.048	2.402.076.249

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Thu nhập khác

	2013	2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	38.589.906	-
Thu nhập bán phế liệu	660.968.071	-
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	19.289.451.767	18.977.397.433
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	3.568.169.279
Thu nhập khác	1.669.392.700	1.243.832.951
	21.658.402.444	23.789.399.663

24. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	32.567.005.217	28.225.377.794
Dự phòng thừa trong những năm trước	(878.926.462)	(298.156.888)
	31.688.078.755	27.927.220.906
Thu nhập thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(4.762.157.852)	-
	26.925.920.903	27.927.220.906

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	287.315.188.536	326.169.268.467
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	43.097.278.280	48.925.390.270
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	2.152.513.000	1.508.005.987
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.103.684.085	1.156.580.374
Ưu đãi thuế	(21.548.628.000)	(23.364.598.837)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(878.926.462)	(298.156.888)
	26.925.920.903	27.927.220.906

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, do Công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty Nhà nước từ năm 2006, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2005), và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (năm 2008 đến năm 2014). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013	2012
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm và thuộc về cổ đông phổ thông	260.389.267.633	298.242.047.561

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	26.579.135	26.579.135

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

26. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 11 tháng 5 năm 2013 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền 31.894.962.000 VND tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu (2012: 31.894.962.000 VND tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu).

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 14 tháng 11 năm 2013 thông qua quyết định của Ban Giám đốc của Công ty về quyết định phần trăm phân phối cổ tức giữa niên độ dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013. Theo đó, cuộc họp của Hội đồng Quản trị đã quyết định phân phối khoản cổ tức giữa niên độ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8% vốn cổ phần có giá trị 21.263.308.000 VND tương đương 800 VND trên một cổ phiếu (2012: 21.263.308.000 tương đương 800 VND trên một cổ phiếu).

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức, các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và những khoản tiền gửi tại ngân hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	751.022.151.689	274.816.402.672
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	43.090.691.976	47.179.333.370
		<hr/>	<hr/>
		794.112.843.665	321.995.736.042

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu mà chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	7.864.265.971
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	2.858.618.587
Quá hạn trên 180 ngày	1.502.781.897	4.388.586.873
	<hr/>	<hr/>
	1.502.781.897	15.111.471.431
	<hr/>	<hr/>

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	56.630.116	-
Tăng dự phòng trong năm	1.122.628.630	56.630.116
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.179.258.746	56.630.116
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản vay ngắn hạn	231.380.072.002	232.967.562.729	232.967.562.729
Phải trả người bán	96.981.542.350	96.981.542.350	96.981.542.350
Phải trả người lao động	16.817.248.508	16.817.248.508	16.817.248.508
Chi phí phải trả	66.911.272.529	66.911.272.529	66.911.272.529
Phải trả khác	2.701.523.644	2.701.523.644	2.701.523.644
	414.791.659.033	416.379.149.760	416.379.149.760

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	85.067.348.919	85.067.348.919	85.067.348.919
Phải trả người lao động	11.664.445.994	11.664.445.994	11.664.445.994
Chi phí phải trả	44.589.151.600	44.589.151.600	44.589.151.600
Phải trả khác	2.160.525.595	2.160.525.595	2.160.525.595
	143.481.472.108	143.481.472.108	143.481.472.108

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngăn hạn vượt mức cho phép.

Công ty có tài sản/(nợ phải trả) thuần chịu ảnh hưởng như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	395.982	3.117	108.617	4.947
Phải thu khách hàng	1.059.203	-	1.021.407	-
Phải trả người bán	(75.429)	-	(111.367)	(559.700)
	1.379.756	3.117	1.018.657	(554.753)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
USD	21.080	20.828
EUR	28.890	27.371

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	733.000.000.000	239.000.000.000
Vay ngắn hạn	(231.380.072.002)	-
	<hr/>	<hr/>
	501.619.927.998	239.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	18.022.151.689	35.816.402.672
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của mức lãi suất của các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần của Công ty.

(e) Giá trị hợp lý

(i) Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2013 Giá trị ghi sổ VND	31/12/2012 Giá trị ghi sổ VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	751.034.054.745	275.247.810.871
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.090.691.976	47.179.333.370
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Các khoản phải trả người bán	(96.981.542.350)	(85.067.348.919)
- Phải trả người lao động	(16.817.248.508)	(11.664.445.994)
- Chi phí phải trả	(66.911.272.529)	(44.589.151.600)
- Phải trả khác	(2.701.523.644)	(2.160.525.595)
- Vay ngắn hạn	(231.380.072.002)	-
	<hr/>	<hr/>
	379.333.087.688	178.945.672.133
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN**(ii) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá. Công ty không xác định giá trị hợp lý của khoản nợ phải trả và tài sản tài chính để trình bày theo điều khoản 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì giá niêm yết trên thị trường tập trung không sẵn có đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam không cung cấp các chỉ dẫn về đánh giá giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường tập trung chưa sẵn có. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013 VND	2012 VND
Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Ma San		
Cổ tức bằng tiền	28.281.823.000	27.170.114.000
Mua hàng hóa	803.302.789	2.713.113.359
Phân chia chi phí bán hàng	33.568.799.503	13.304.374.000
Tổng Công ty Cà Phê Việt Nam		
Cổ tức bằng tiền	12.690.400.000	19.828.750.000
Ban Giám đốc và Ban Quản trị		
Cổ tức bằng tiền	767.060.000	1.179.310.000
Tiền thưởng	24.975.355.345	11.675.585.528

29. Cam kết**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	55.551.079.747	147.286.025.021
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	64.109.557.775	246.955.554.216
	119.660.637.522	394.241.579.237

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Bảng tóm tắt kinh phí dự án nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Giá trị dự án đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	561.846.260.633	470.111.315.363
- Giá trị dự án đã được tiến hành	497.736.702.858	223.155.761.147
- Giá trị dự án chưa được tiến hành	64.109.557.775	246.955.554.216
Giá trị dự án đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	55.551.079.751	147.286.025.021
Tổng kinh phí dự án đã được duyệt	617.397.340.384	617.397.340.384

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang bao gồm thuê nhà ở và kho như sau:

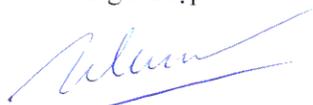
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	10.985.502.420	6.757.097.748
Trong vòng hai đến năm năm	4.271.379.760	9.579.278.272
	15.256.882.180	16.336.376.020

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.498.359.738.480	1.417.264.175.089
Chi phí nhân công	134.175.305.974	96.135.014.175
Chi phí khấu hao và phân bổ	27.313.764.789	11.867.826.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.957.837.092	203.456.935.705
Chi phí khác	99.322.578.620	42.862.384.923

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Trương Thị Hiếu
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Tân Kỳ
Tổng Giám đốc